

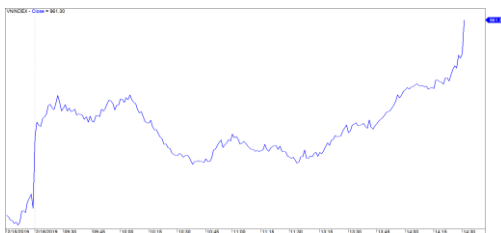
Market Today: Chỉ số VN-Index đạt mức cao nhất trong 3 tháng

18/02/2019

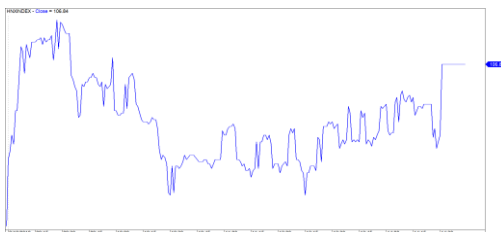
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	961.30	106.84	55.26
% ngày	1.09%	0.69%	0.04%
% tuần	3.80%	1.51%	-0.63%
% tháng	6.54%	5.20%	3.76%
% năm	-9.29%	-14.05%	-5.54%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,974	508	276
TB 1 tuần	4,179	444	245
TB 1 tháng	3,219	361	288
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	709.75	33.99	35.53
Bán	721.75	23.74	30.49
Giá trị ròng	-12.00	10.24	5.04
Độ rộng TT			
Mã Tăng	175	87	154
Mã Giảm	129	65	77
Không Đổi	79	232	623
Chỉ số chính			
P/E	16.25	9.51	16.87
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,118	196	968
LS Cổ tức	2.50%	4.04%	4.72%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc xanh đã trở lại trên thị trường Châu Á với sự dẫn đầu của nhóm chỉ số tại Trung Quốc với phiên tăng mạnh hơn 2.6% và những chỉ số khác cũng có đà tăng khá tốt. Duy chỉ có chỉ số SET của Thái Lan chịu áp lực điều chỉnh nhẹ.

Tại thị trường Việt Nam cũng đi theo xu hướng chung của khu vực khi chỉ số VN-Index có mức tăng hơn 1% đẩy chỉ số qua khỏi mốc 960 điểm với mức thanh khoản trong phiên gần 4,000 tỷ đồng cao hơn 25% so với mức thanh khoản của trung bình tháng gần nhất. Bên cạnh đó thì chỉ số HNX-Index và Upcom-Index cũng tăng nhẹ và thanh khoản trên hai thị trường này cũng khá tốt.

Trong phiên thì các cổ phiếu trong nhóm dầu khí có mức tăng tốt nhất trong phiên sau đó đến các ngành như dệt may, tài chính và bất động sản. Những mã tác động nhiều đến chỉ số là những mã Largecaps như GAS, VIC, VNM, VHM, VCB, ACB, VCG, PVS...

Sau những phiên giao dịch liên tục với thanh khoản lớn thì trong phiên khối ngoại đã giảm dẫn lượng giao dịch và lượng mua ròng cũng không đáng kể tuy nhiên vẫn có nhiều mã dòng dầu khí được khối ngoại mua ròng như GAS và PLX. Riêng đối với CCQ E1VFN30 cũng được mua ròng liên tục trong phiên.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng và phân hóa sẽ diễn ra trong những phiên giao dịch tới. Đồng thời, nhiều khả năng chỉ số VN-Index sẽ tiến về vùng kháng cự 972 – 991 điểm, đây là vùng khoảng trống giảm giá được hình thành trong phiên 11/10/2018. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ cho thấy thị trường đang có dấu hiệu phân hóa và áp lực chốt lời dự báo sẽ tiếp tục tăng trên các cổ phiếu đã tăng mạnh từ đầu năm 2019 đến nay.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 934.65 điểm của chỉ số VN-Index và 103.62 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ hoặc cơ cấu lại danh mục và dừng mua ở các cổ phiếu đã tăng mạnh từ đầu năm 2019 đến nay. Đồng thời, các nhà đầu tư ngắn hạn cũng có thể tìm kiếm cơ hội giải ngân mới ở các cổ phiếu mới xác nhận xu hướng tăng ngắn hạn.

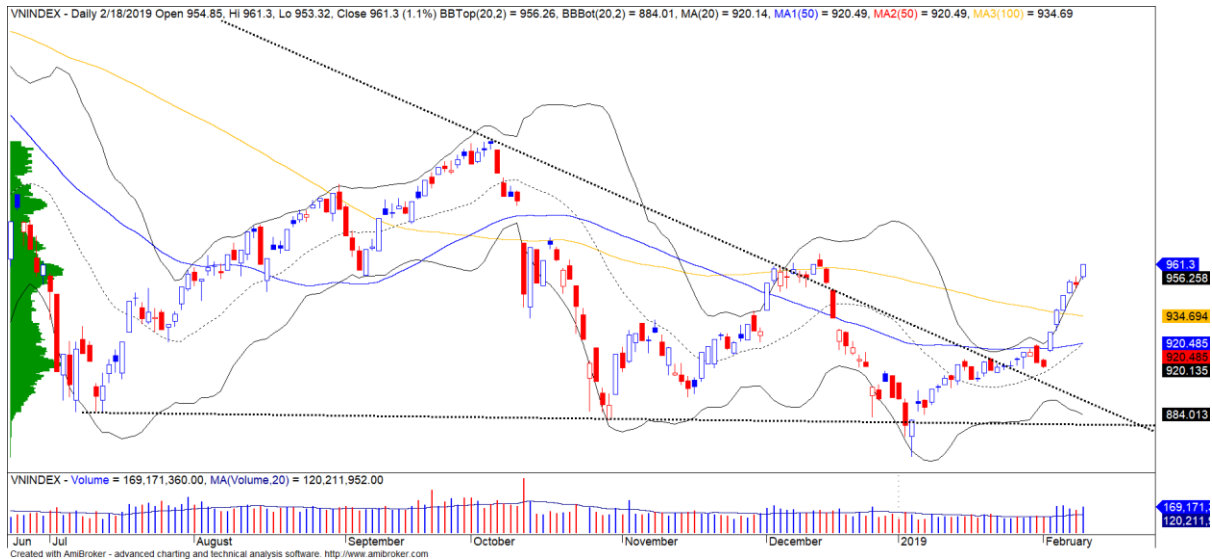
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 76% cổ phiếu/24% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	972	1,025	897	780
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	110	117	100	96
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	946	995	865	768
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	GIẢM	1,020	1,079	925	971
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	815	835	789	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15,450	TĂNG	GIẢM	15,400	14,868	0.32%			16,605		
ACB	30,400	TĂNG	GIẢM	30,200	28,839	0.66%			33,291		
ACV	88,300	TĂNG	TĂNG	88,300	87,449	0.00%	MUA	90,000	76,780	-1.89%	
ANV	28,400	TĂNG	GIẢM	27,200	27,011	4.41%			31,024		
ASM	8,700	TĂNG	GIẢM	7,770	8,383	11.97%			9,351		
BFC	22,650	GIẢM	GIẢM		23,201				25,187		
BID	33,500	TĂNG	TĂNG	33,150	31,458	1.06%		33,400	29,888	0.30%	
BMP	50,000	TĂNG	GIẢM	50,800	48,075	-1.57%			54,542		
BSR	14,700	TĂNG	GIẢM	13,100	13,270	12.21%			15,250		
BVH	93,000	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	-1.48%		86,000	88,082	8.14%	
BWE	25,000	TĂNG	TĂNG	24,700	24,467	1.21%		20,000	21,692	25.00%	
CEO	13,700	TĂNG	GIẢM	13,500	12,963	1.48%			14,755		
CHP	23,000	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.23%		23,000	22,286	0.00%	MUA
CII	23,100	GIẢM	GIẢM		24,637				26,172		
CMX	16,600	TĂNG	TĂNG	15,150	15,640	9.57%		5,910	13,022	180.88%	
CSM	14,750	GIẢM	TĂNG		15,387			14,390	13,911	2.50%	
CTD	139,600	GIẢM	GIẢM		139,941				152,745		
CTG	20,900	TĂNG	GIẢM	19,550	19,707	6.91%			22,209		
CTI	25,900	TĂNG	TĂNG	26,300	25,293	-1.52%		26,850	22,809	-3.54%	
CVT	23,100	TĂNG	TĂNG	19,900	21,639	16.08%		22,550	22,326	2.44%	MUA
DCM	9,180	TĂNG	GIẢM	9,200	8,823	-0.22%			10,038		
DGC	42,700	TĂNG	GIẢM	44,000	41,659	-2.95%			47,020		
DGW	24,100	TĂNG	GIẢM	23,300	23,113	3.43%			25,127		
DHA	33,400	TĂNG	TĂNG	32,250	31,350	3.57%		29,100	27,521	14.78%	
DHC	30,700	GIẢM	GIẢM		31,579				34,601		
DHG	97,000	TĂNG	TĂNG	77,500	86,807	25.16%		93,000	85,526	4.30%	MUA
DIG	16,700	TĂNG	GIẢM	16,000	16,126	4.38%			17,064		
DPG	44,500	GIẢM	GIẢM		47,979				52,441		
DPM	22,700	TĂNG	TĂNG	22,750	22,370	-0.22%		19,400	19,790	17.01%	
DPR	39,500	TĂNG	TĂNG	32,600	36,371	21.17%		35,950	32,946	9.87%	
DQC	26,800	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-3.25%		31,000	26,186	-13.55%	
DRC	21,600	GIẢM	GIẢM		22,489				24,379		
DXG	25,050	TĂNG	GIẢM	24,700	23,916	1.42%			26,665		
EIB	17,500	TĂNG	TĂNG	13,850	17,285	26.35%		14,700	15,173	19.05%	
FCN	14,850	TĂNG	GIẢM	13,900	13,960	6.83%			15,658		
FMC	31,100	GIẢM	TĂNG		32,193			24,700	27,888	25.91%	
FPT	44,400	TĂNG	GIẢM	42,800	43,027	3.74%			45,324		
GAS	97,200	TĂNG	GIẢM	89,900	89,778	8.12%			100,384		
GEX	23,750	TĂNG	GIẢM	22,600	22,074	5.09%			24,673		
GIL	40,900	TĂNG	TĂNG	35,950	39,178	13.77%		39,000	33,448	4.87%	

We Create Fortune

GMD	27,300	TĂNG	GIẢM	27,500	26,346	-0.73%		29,123	
GTN	11,800	TĂNG	TĂNG	10,400	11,280	13.46%		11,796	
HAG	5,440	TĂNG	GIẢM	5,080	5,108	7.09%		5,603	
HAX	16,850	TĂNG	GIẢM	17,200	16,157	-2.03%		17,965	
HBC	18,850	TĂNG	GIẢM	16,800	17,478	12.20%		19,374	
HCM	51,400	TĂNG	GIẢM	46,700	48,119	10.06%		52,159	
HDB	30,600	TĂNG	GIẢM	30,300	30,347	0.99%		33,267	
HDC	14,500	GIẢM	GIẢM		14,636			14,709	
HDG	36,750	TĂNG	TĂNG	35,950	35,814	2.23%	37,400	32,282	-1.74%
HNG	15,700	TĂNG	GIẢM	15,100	14,306	3.97%		16,554	
HPG	32,150	TĂNG	GIẢM	29,500	29,699	8.98%		32,928	
HSG	7,700	TĂNG	GIẢM	6,860	7,152	12.24%		8,479	
HT1	16,150	TĂNG	TĂNG	14,150	14,697	14.13%	14,800	13,096	9.12%
HUT	3,500	GIẢM	GIẢM		3,753			4,396	
HVN	40,500	TĂNG	TĂNG	35,700	39,031	13.45%	39,000	32,523	3.85%
KBC	15,150	TĂNG	TĂNG	14,250	13,841	6.32%	13,450	12,415	12.64%
KDH	31,100	TĂNG	TĂNG	31,200	29,955	-0.32%	33,000	28,018	-5.76%
KSB	26,400	TĂNG	GIẢM	26,300	25,416	0.38%		27,640	
LCG	8,960	TĂNG	TĂNG	8,230	8,713	8.87%	9,200	7,868	-2.61%
LDG	14,750	TĂNG	GIẢM	14,750	14,152	0.00%		16,835	
LHG	19,600	TĂNG	GIẢM	19,100	18,522	2.62%		20,947	
LPB	8,900	TĂNG	GIẢM	9,100	8,459	-2.20%		9,825	
LSS	6,390	TĂNG	TĂNG	7,000	6,255	-8.71%	7,890	6,353	-19.01%
MBB	22,100	TĂNG	TĂNG	19,750	21,331	11.90%	21,850	18,730	1.14%
MPC	46,900	TĂNG	TĂNG	41,100	45,607	14.11%	47,500	46,475	-1.26%
MSN	85,400	TĂNG	GIẢM	82,300	81,521	3.77%		88,530	
MSR	19,600	TĂNG	GIẢM	18,700	18,783	4.81%		20,804	
MWG	86,100	TĂNG	GIẢM	86,200	83,335	-0.12%		92,376	
NDN	12,300	TĂNG	GIẢM	12,500	11,773	-1.60%		13,356	
NKG	7,500	TĂNG	GIẢM	6,580	7,027	13.98%		7,821	
NLG	27,200	TĂNG	GIẢM	26,100	26,069	4.21%		28,488	
NT2	30,500	TĂNG	TĂNG	25,400	28,284	20.08%	25,900	26,534	17.76%
NTL	19,400	TĂNG	TĂNG	19,200	17,300	1.04%	10,450	15,978	85.65%
OIL	14,900	TĂNG	GIẢM	14,900	14,127	0.00%		16,188	
PAC	36,300	GIẢM	GIẢM		37,703			40,410	
PC1	24,850	TĂNG	GIẢM	23,900	23,390	3.97%		25,195	
PDR	26,800	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	2.49%		27,684	
PHR	39,500	TĂNG	TĂNG	29,300	35,680	34.81%	24,000	31,203	64.58%
PLX	59,000	TĂNG	GIẢM	55,700	54,753	5.92%		60,986	
PNJ	97,300	TĂNG	GIẢM	94,200	94,454	3.29%		101,983	
POW	17,500	TĂNG	TĂNG	14,300	16,175	22.38%	16,550	14,314	5.74%
PPC	23,650	TĂNG	TĂNG	18,550	22,368	27.49%	19,700	19,994	20.05%
PTB	60,800	TĂNG	TĂNG	60,200	58,516	1.00%	64,000	56,808	-5.00%
PVD	17,850	TĂNG	GIẢM	15,500	16,071	15.16%		17,923	
PVI	34,000	TĂNG	TĂNG	32,900	32,098	3.34%	33,000	30,008	3.03%
PVS	20,000	TĂNG	GIẢM	18,900	18,584	5.82%		20,919	

We Create Fortune

PXS	4,170	GIẢM	GIẢM		4,377			4,874			
QNS	43,700	TĂNG	TĂNG	42,000	42,337	4.05%		41,500	3,377	5.30%	
REE	35,950	TĂNG	TĂNG	31,100	33,777	15.59%		35,100	33,718	2.42%	MUA
SAB	240,000	GIẢM	TĂNG		241,020			245,000	227,704	-2.04%	
SAM	7,350	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	3.67%		7,400	6,595	-0.68%	
SCR	7,710	TĂNG	GIẢM	7,390	7,539	4.33%			8,128		
SHI	8,750	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	27.74%		6,990	6,026	25.18%	
SJS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	17.02%		18,100	18,715	21.55%	
SKG	15,000	GIẢM	GIẢM		15,371				17,466		
SSI	27,100	TĂNG	GIẢM	26,900	26,299	0.74%			29,029		
STB	13,100	TĂNG	TĂNG	11,700	12,452	11.97%		13,000	12,773	0.77%	MUA
TCB	27,350	TĂNG	GIẢM	25,800	26,456	6.01%			N/A		
TCM	29,700	TĂNG	TĂNG	24,350	27,352	21.97%		28,000	21,746	6.07%	
TDH	10,650	TĂNG	GIẢM	10,300	10,130	3.40%			11,264		
TLH	4,900	TĂNG	GIẢM	5,000	4,597	-2.00%			5,686		
TNG	19,100	TĂNG	TĂNG	18,000	17,942	6.11%		12,000	15,302	59.17%	
VCB	60,000	TĂNG	TĂNG	55,000	57,965	9.09%			59,813		
VCG	26,900	TĂNG	TĂNG	25,100	23,306	7.17%		19,200	18,435	40.10%	
VFG	38,200	TĂNG	TĂNG	39,000	37,463	-2.05%		34,394	34,815	11.07%	
VGC	20,500	TĂNG	TĂNG	16,300	19,409	25.77%		19,100	16,691	7.33%	
VGT	12,000	TĂNG	GIẢM	11,600	11,329	3.45%			13,091		
VHC	95,100	GIẢM	GIẢM		97,361				105,200		
VHM	82,000	TĂNG	TĂNG	76,600	78,423	7.05%		80,000	69,856	2.50%	
VIB	18,200	TĂNG	GIẢM	18,000	17,280	1.11%			19,666		
VIC	113,700	TĂNG	TĂNG	109,100	107,582	4.22%		112,000	104,386	1.52%	MUA
VIP	7,000	TĂNG	GIẢM	7,000	6,695	0.00%			7,277		
VJC	120,500	GIẢM	GIẢM		125,988				130,367		
VND	17,200	TĂNG	GIẢM	16,800	16,320	2.38%			18,694		
VNG	21,900	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	19.66%		16,008	19,617	36.81%	
VNM	142,000	TĂNG	TĂNG	131,000	135,884	8.40%		140,200	136,989	1.28%	MUA
VPB	21,500	TĂNG	GIẢM	20,200	20,414	6.44%			22,887		
VPI	41,200	GIẢM	N/A		41,991				5,935		
VRC	18,500	TĂNG	GIẢM	18,150	16,360	1.93%			19,388		
VRE	31,650	TĂNG	GIẢM	30,400	29,573	4.11%			32,589		
VSC	45,450	TĂNG	TĂNG	42,700	42,562	6.44%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	961.30	1.09%
VN30	904.93	0.80%
VN Mid	999.82	1.19%
VN Small	798.47	0.26%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.84	0.69%
HN30	195.13	1.04%
VNX AllSh	875.08	0.92%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.26	0.04%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	709.75	
Bán	721.75	
GT rỗng	(12.00)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	33.99	
Bán	23.74	
GT rỗng	10.24	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.53	
Bán	30.49	
GT rỗng	5.04	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMD	200	6.54%
KBC	850	5.94%
MSH	2900	5.71%
HAG	270	5.22%
TCH	1000	4.76%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	1800	7.17%
BCC	400	5.80%
SHS	400	3.60%
PVS	600	3.09%
PVI	800	2.41%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGI	1100	6.01%
BSR	500	3.52%
NTC	2400	2.56%
VIB	400	2.25%
ACV	1700	1.96%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BVH	-2500	-2.62%
DQC	-700	-2.55%
STK	-450	-2.45%
SJS	-500	-2.22%
EIB	-300	-1.69%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-100	-2.78%
VCS	-800	-1.24%
PGS	-100	-0.29%
DGC	-100	-0.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-1100	-2.31%
MPC	-600	-1.26%
GEG	-200	-1.19%
VTP	-900	-0.53%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	357,462	
VHM	271,981	
VNM	244,145	
VCB	219,936	
GAS	179,911	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,664	
VCG	11,087	
VCS	10,114	
PVS	9,273	
SHB	9,264	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	188,472	
MCH	66,967	
VEA	63,315	
HVN	57,239	
BSR	43,922	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
AMD	10,623,450	2,833,766
HAG	9,236,270	3,288,791
POW	8,995,700	3,550,005
KBC	7,103,050	2,830,281
HQC	7,008,940	3,139,771

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	6,170,111	3,106,007
SHB	5,759,351	4,986,563
VCG	3,458,390	1,973,592
ART	2,338,314	1,777,512
ACB	1,908,925	1,602,605

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,969,513	1,758,505
LPB	968,250	603,490
VEA	897,239	561,957
HVN	793,260	603,709
VGT	787,214	2,876,218

Nguồn: Bloomberg & YSVN

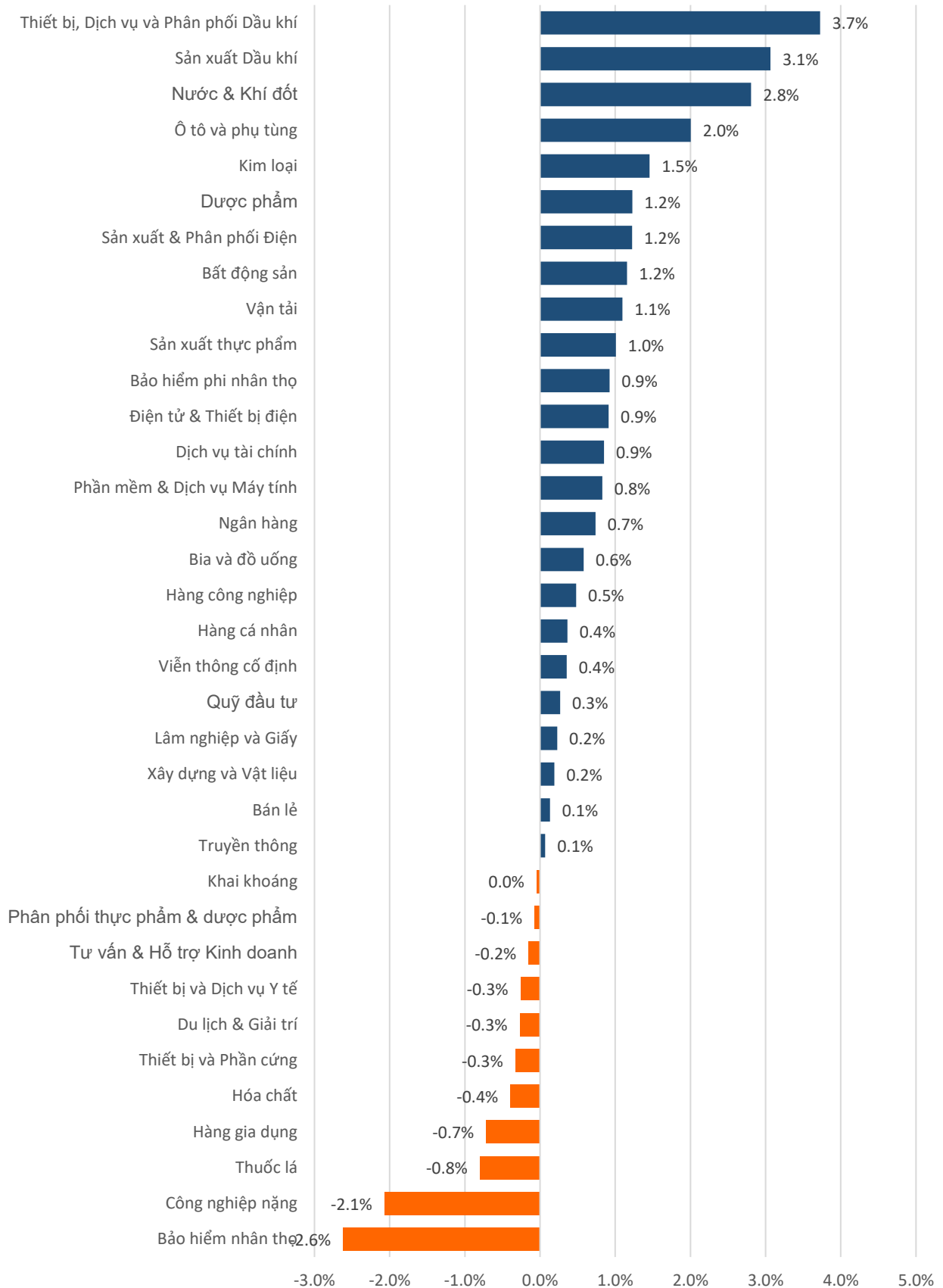
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



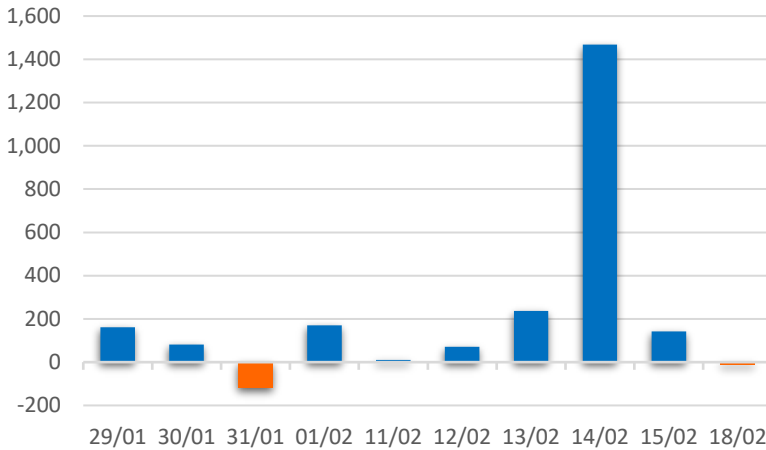
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

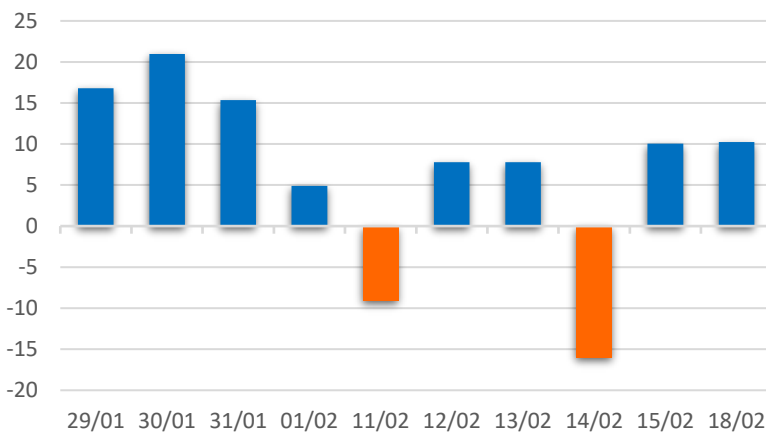
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	66,841	MSN	58,899
E1VFN30	58,329	VJC	45,362
PLX	33,423	CII	37,066
GAS	17,612	DHG	30,726
VNM	17,347	CTG	30,095

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

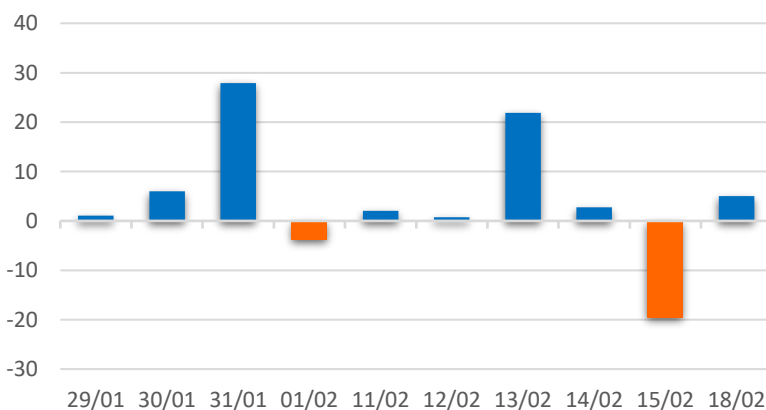
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	30,683	VGC	6,908
HHP	158	SHS	3,427
ART	87	NTP	2,073
VNT	83	THB	2,014
VCS	83	VCG	2,009

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HVN	7,296	ACV	3,703
VTP	3,685	LPB	1,987
VGG	573	VEA	669
QNS	419	BSR	438
VGI	236	KDF	222

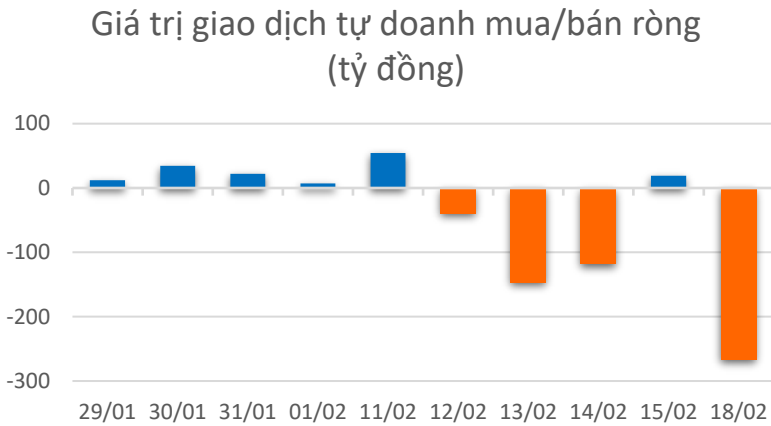
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

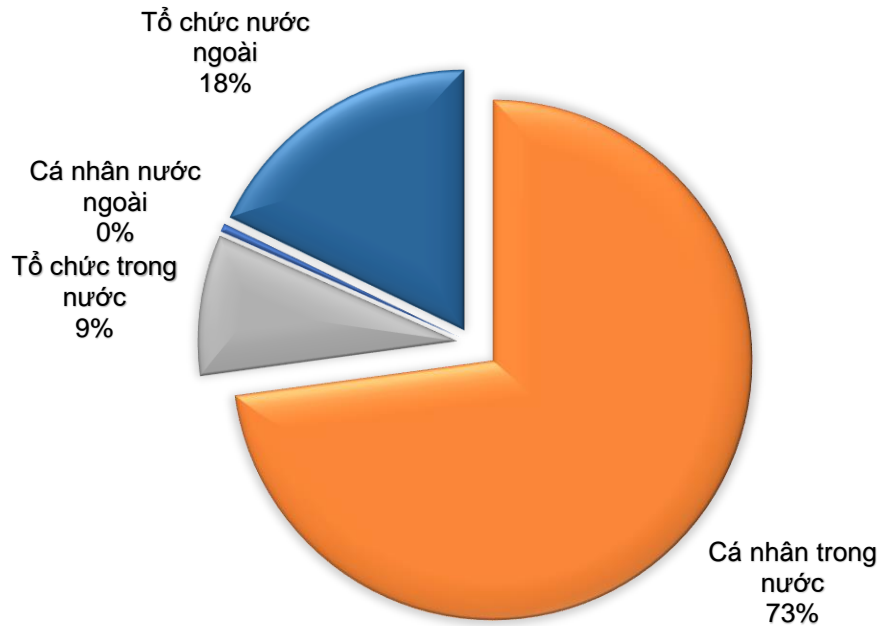
THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VHM	8,085	VHM	62,173
VIC	2,033	E1VFN30	58,875
PVD	1,738	PLX	36,233
TCB	961	HPG	26,466
SAB	844	POW	13,033

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

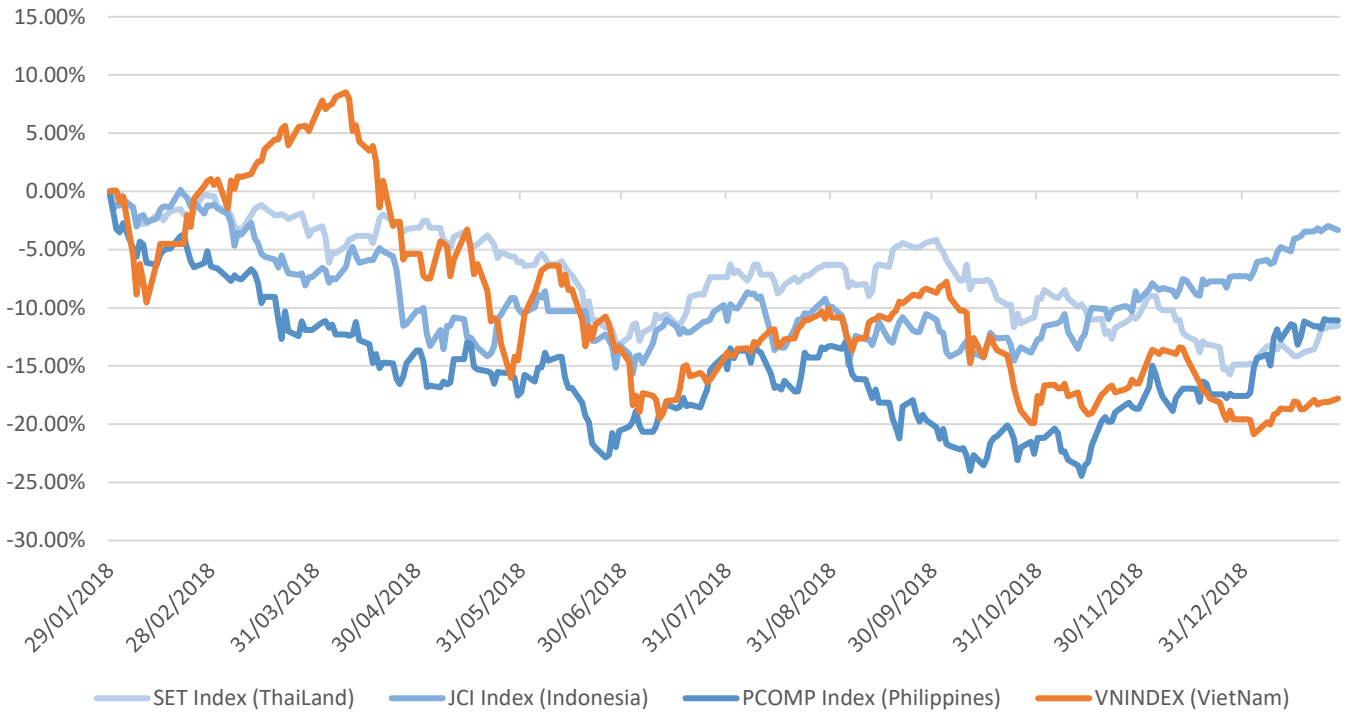


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

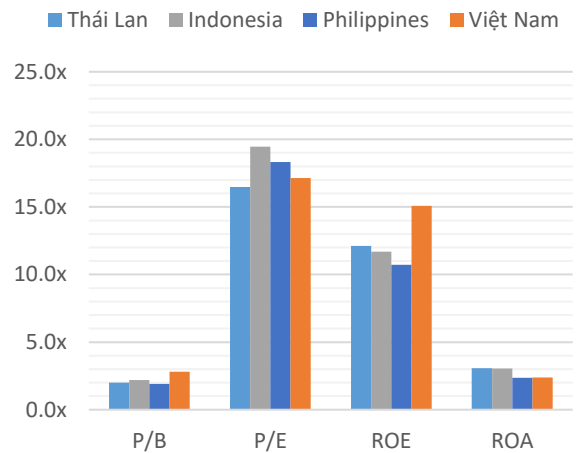
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written